

Bản án số: 678/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 – 8 – 2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Hiếu

2. Bà Nguyễn Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 42/60/6 Đường H, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Vũ C, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: 42/60/17E Đường H, phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/02/2019 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Vũ C tự nguyện chung sống, tổ chức đám cưới từ năm 1996, đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 82/2004, quyển số I/PTT ngày 17/11/2004.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại 16/136/2 Đường L (nay là 42/60/17E đường H), phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến cuối năm 2011 bà và hai con dọn về nhà mẹ ruột sinh sống cho tới nay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống về cách chăm sóc con, chi tiêu tiền

bạc trong gia đình. Bà đã hai lần nộp đơn ly hôn ra Tòa án nhưng vì thương con nên đã rút đơn để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, khúc mắc giữa đôi bên, ông bà đã ly thân từ cuối năm 2011, thời gian ly thân mạnh ai người đó sống, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, bà yêu cầu ly hôn với ông Vũ C.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Vũ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/1996 và Vũ Thị Phương M, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành và phát triển bình thường..

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Vũ C trình bày:

Ông xác nhận việc kết hôn và thời gian chung sống như bà L trình bày là đúng. Ông xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng không hợp nhau, ông bà đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Nay bà L yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Vũ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/1996 và Vũ Thị Phương M, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành và phát triển bình thường.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

Toà án đã tổ chức cho các bên hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được do ông C vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.
- Ông C có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L. Về quan hệ con chung: Có hai con chung tên Vũ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/1996 và Vũ Thị Phương M, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành và phát triển bình thường. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2004, quyền số I/PTT do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Chí Minh cấp ngày 17/11/2004 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông C cư trú tại quận Tân Phú. Nay bà L yêu cầu ly hôn, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn – ông Vũ C: Xét ông C có yêu cầu được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải cũng như xét xử tại Tòa án nhân dân quận Tân Phú; do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về yêu cầu của các đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết, bà L và ông C cùng xác nhận vợ chồng không còn ở chung từ năm 2011 đến nay. Bà L yêu cầu ly hôn, ông C cũng đồng ý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông C.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Vũ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/1996 và Vũ Thị Phương M, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Lý phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Lý đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012676 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thanh L.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh L và ông Vũ C thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 82/2004, quyền số I/PTT do Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Chí Minh cấp ngày 17/11/2004 cho bà Trần Thị Thanh L và ông Vũ C hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

Về quan hệ con chung: Hai bên xác nhận có hai con chung tên Vũ Thị Phương A, sinh ngày 23/4/1996 và Vũ Thị Phương M, sinh ngày 25/11/2000 đã trưởng thành và phát triển bình thường.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Thanh L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012676 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thanh L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tây Thạnh, quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Quyên